

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2017/DS-ST
Ngày: 08-8-2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiến

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:*
Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 340/2B, Đường C, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà H: Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 58D, Khu vực L, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Long An. (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23/5/2017).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đ, Văn phòng Luật sư N – Chi nhánh huyện Đ H, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị G, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp B T 1, xã Đ, huyện Đ H, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Trọng B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 58D, Khu vực L, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Long An.

(Chị T, bà G, anh B và Luật sư Đ có mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2017, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thanh H cùng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày tóm tắt như sau:

Năm 2015, bà Phạm Thị G đã nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thanh H, trong đó có khoản thì bà G đã trả, có khoản thì bà G chưa trả. Tính đến thời điểm khởi kiện thì bà G còn nợ bà H các khoản tiền vay sau:

+ Khoản vay 55.000.000đ vào ngày 16/01/2015, lãi suất 10%/tháng, thời hạn trả vào ngày 16.02.2015.

+ Khoản vay 44.000.000đ ngày 22/01/2015, lãi suất 10%/tháng, thời hạn trả vào ngày 22.01.2016.

+ Khoản vay 55.000.000đ ngày 26/01/2015, lãi suất 10%/tháng, thời hạn trả vào ngày 26.01.2016.

Các khoản vay trên, từ ngày vay đến nay bà G chưa thanh toán cho bà H được khoản tiền gốc hay lãi nào. Nay bà H yêu cầu bà G có trách nhiệm trả đủ số tiền nợ gốc đã vay của 03 khoản vay trên, tổng cộng là 154.000.000đ.

Bị đơn Phạm Thị G trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa được tóm tắt như sau: Năm 2015, bà có mượn tiền của bà H nhiều lần, có khoản đã trả xong, có khoản chưa trả. Bà xác định có ký tên và có mượn tiền đúng theo nội dung 03 giấy mượn tiền vào các ngày 16/01/2015, ngày 22/01/2015 và ngày 26/01/2015 mà bà H cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, các khoản vay này bà đã trả hết cho bà H, nhưng do tin tưởng nên khi trả nợ, bà H nói đã hủy bỏ hết các giấy vay nợ, nên bà không có yêu cầu bà H viết giấy nhận tiền cho bà. Bà G xác định hiện tại chỉ còn nợ bà H số tiền 65.000.000đ theo các giấy vay nợ bà không nhớ rõ ngày tháng, giấy nợ do bà H giữ. Trong đó, khoản vay đầu tiên là 40.000.000đ, khoản vay thứ 02 là 25.000.000đ, vay trong năm 2015. Nay bà đồng ý trả cho bà H số tiền 65.000.000đ nhưng xin trả gốc, không trả lãi. Đối với các khoản tiền lãi mà bà đã trả cho bà H trước đó, bà không nhớ rõ nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Bà không đồng ý trả số tiền 154.000.000đ theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trọng B trình bày như sau: Anh là con rể của bà H. Đối với các khoản vay bà G đã vay của bà H vào ngày 16/01/2015, ngày 22/01/2015 và ngày 26/01/2015, tổng cộng là 154.000.000đ thì bà H có nhờ anh lấy tiền giùm nhưng bà G không chấp nhận. Do đó, anh không có nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà G đối với 03 khoản vay này.

Luật sư Đ phát biểu quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của

nguyên đơn như sau: Theo các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên Tòa và sự thừa nhận của bà G đối với các giấy nợ mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện, thể hiện bà G có vay và nhận từ bà H tổng số tiền gốc là 154.000.000đ của 03 lần vay. Bà G cho rằng đã trả xong cho bà H tất cả khoản tiền nợ gốc, nợ lãi của 03 khoản vay này nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Bà G cũng xác định không nhớ rõ số tiền lãi đã trả cho bà H và cũng không có yêu cầu phản tố nào liên quan đến khoản tiền lãi. Do bà G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu bà G trả nợ là đúng quy định của pháp luật. Khi khởi kiện, bà H không yêu cầu bà G trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn là đã có lợi cho bà G. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị G trả số tiền vay 154.000.000đ và có cung cấp chứng cứ là 03 giấy mượn tiền vào các ngày 16/01/2015, ngày 22/01/2015 và ngày 26/01/2015 do chính bà G viết và ký. Bà G thừa nhận có vay số tiền 154.000.000đ của bà H theo các giấy nợ nêu trên. Bà G cho rằng đã trả hết số tiền vay 154.000.000đ cho bà H cùng tiền lãi, nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng nào. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ các giấy mượn tiền vào các ngày 16/01/2015, ngày 22/01/2015 và ngày 26/01/2015 do bà H cung cấp, được bà G thừa nhận đã viết và ký tên, cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định bà Phạm Thị G có vay của bà H 03 lần, với tổng số tiền 154.000.000đ, lãi suất là 10%/tháng. Bà G cho rằng đã trả hết cho bà H số tiền 154.000.000đ của 03 khoản vay này cùng tiền lãi nhưng đây chỉ là lời trình bày miệng, không được phía nguyên đơn thừa nhận. Bà G không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền nợ gốc, nợ lãi đối với 03 khoản vay ngày 16/01/2015, ngày 22/01/2015 và ngày 26/01/2015 cho bà H, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà G phải trả số tiền còn nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, của Kiểm sát viên tại phiên Tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận..

Từ những phân tích trên, cần buộc bà Phạm Thị G trả cho bà Nguyễn Thanh H số tiền 154.000.000đ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh H được Tòa án chấp nhận, số tiền án phí phải nộp là 7.700.000đ. Tuy nhiên, tính đến thời điểm xét xử bà Phạm Thị G đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà G được miễn toàn bộ số tiền án phí phải nộp. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh H.

Buộc bà Phạm Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thanh H khoản tiền nợ của 03 khoản vay ngày 16/01/2015, ngày 22/01/2015 và ngày 26/01/2015, tổng cộng là 154.000.000đ.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho bà Phạm Thị G. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà H khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.850.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000538 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh